

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2018
của Tổng công ty Lương thực miền Bắc

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản của doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 03/01/2018 của Chính phủ về Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-BN-QLDN ngày 18/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Bắc,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

a) Công ty mẹ - Tổng công ty

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Lương thực mua vào	Tấn	964.235	840.275	87%

2. Lương thực bán ra	Tấn	948.140	827.402	87%
3. Tổng doanh thu	Tr.đ	8.643.633	7.368.956	85%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	304.898	305.621	100%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	254.983	255.706	100%
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu	%	5,6%	5,6%	100%
7. Tiền lương bình quân NLD	Ngđ /ng/th	13.693	13.297	97%

(Chi tiết theo Phụ lục số 01.1, 01.2 kèm theo)

b) Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Lương thực mua vào	Tấn	1.679.552	1.559.566	93%
2. Lương thực bán ra	Tấn	1.638.685	1.532.984	94%
3. Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	15.940.735	14.238.382	89%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	354.801	317.953	90%

(Chi tiết theo Phụ lục số 02.1, 02.2 kèm theo)

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

a) Kế hoạch đầu tư xây dựng Công ty mẹ - Tổng Cty

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số dự án	Dự án	12	10	83%
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	37.460	178.950	478%
3. Giải ngân	Tr.đ	46.193	91.640	198%
4. Công suất tăng thêm	Tấn gạo/ngày	0	300	

b) Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số dự án	Dự án	22	36	164%
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	53.280	230.592	433%
4. Giải ngân	Tr.đ	52.655	117.417	223%
5. Công suất tăng thêm	Tấn gạo/ngày	0	300	

(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo)

c) Kế hoạch Công ty mẹ mua cổ phần, vốn góp tại các doanh nghiệp khác

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số doanh nghiệp	DN	0	03	
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	0	278.528	
3. Nguồn vốn	Tr.đ	0	Quỹ ĐTPT	
4. Doanh thu tăng thêm	Tr.đ	0	1.816.000	

Điều 2. Giao Bộ máy Điều hành căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch, chỉ tiêu được giao; sử dụng các nguồn lực, nguồn vốn có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Tổng công ty.

Định kỳ 6 tháng và năm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và tình hình tài chính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 3. Các ông bà Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, Chánh văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban tham mưu giúp việc của Tổng công ty, Hội đồng thành viên các Công ty TNHH một thành viên và Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty thành viên có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT,
Tài chính (để b/c);
- TV HĐTV, KSV, TGĐ Tcty;
- Tổ QL trang TTĐT (để c/bổ tt);
- VP, các Ban Tcty;
- Lưu VT, TK.HĐTV.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Phan Xuân Quế